



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 17 (22/04-26/04/24)

*Dự báo số lượng mua/bán cổ phiếu của các quỹ ETF
liên quan đến bộ chỉ số VN30 và Vietnam Diamond*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Chờ đợi cơ hội trong quá trình VN-Index dò đáy ngắn hạn*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo số lượng mua/bán cổ phiếu của các quỹ ETF liên quan đến bộ chỉ số VN30 và Vietnam Diamond*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index hành trình dò đáy sau khi xuyên thủng các ngưỡng hỗ trợ và đường SMA*
5. TIN VĨ MÔ: *Trên website NHNN đã công bố phương án can thiệp ngoại tệ.*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Truyền thông -1.04%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Chờ đợi cơ hội trong quá trình VN-Index dò đáy ngắn hạn

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1174.85	-7.97%
GTGD/phiên (tỷ VND)	24,252.49	49.45%
Khối ngoại (tỷ VND)	-1519.17	
HNX-INDEX	220.80	-8.51%
GTGD/phiên (tỷ VND)	2,549.44	67.21%
Khối ngoại (tỷ VND)	15.10	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4967.23	-0.88%	-3.05%	-5.10%
EU (EURO STOXX)	4918.09	-0.37%	-0.75%	-2.25%
China (SHCOMP)	3065.26	-0.29%	1.52%	0.57%
Japan (NIKKEI)	37068.35	-2.66%	-6.21%	-9.34%
Korea (KOSPI)	2591.86	-1.63%	-3.35%	-5.70%
Singapore (STI)	3176.51	-0.35%	-1.26%	-1.29%
Thailand (SET)	1332.08	-2.13%	-4.60%	-3.55%
Phillipines (PCOMP)	6443.00	-1.23%	-3.25%	-6.38%
Malaysia (KLCI)	1547.57	0.18%	-0.22%	0.34%
Indonesia (JCI)	7087.32	-1.11%	-2.74%	-3.58%
Vietnam (VNIndex)	1174.85	-1.52%	-7.97%	-8.34%

TTCK VIỆT NAM

Thông tin tiêu cực kích hoạt giao dịch bán tháo, thị trường giảm sâu

Thông tin tiêu cực quốc tế và trong nước đã nhấn chìm VN-Index với mức giảm 8% chỉ trong 4 phiên giao dịch trong tuần. Các cổ phiếu suy yếu nhanh và lan rộng ra toàn thị trường với 92% cổ phiếu và 16/18 ngành giảm điểm. Những ngành có beta cao và đã tăng mạnh như Dịch vụ tài chính, Hóa chất, BĐS và Xây dựng & vật liệu giảm trên 7%. Tâm lý tiêu cực trước nhiều thông tin bất lợi là lý do chính khiến thị trường giảm sâu trong tuần. Tính đến 19/4, có 126/1666 công ty niêm yết trên 3 sàn công bố KQKD quý I với mức LNST tăng 25%yoy, trong đó 42.8% doanh nghiệp tăng trưởng âm và 18.2% doanh thua lỗ. Số liệu ban đầu này khá tích cực và phần nào sẽ hỗ trợ thị trường trong quá trình dò đáy ngắn hạn.

Theo số liệu của Bộ KH&ĐT, tính đến cuối tháng 3/2024, khoảng 32/657 nghìn tỷ vốn đầu tư công chưa phân bổ chi tiết, trong đó ngân sách trung ương 9.5 nghìn tỷ và địa phương là 22.5 nghìn tỷ. Nguyên nhân chủ yếu các dự án khởi công mới, chưa hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định. Q12024, giải ngân đầu tư công khá tích cực khi thực hiện gần 90 nghìn tỷ, tương đương 13.7% kế hoạch Thủ tướng và cao hơn 10.3%yoy. Dù vậy Bộ trưởng Bộ KH&ĐT nêu những khó khăn mới về cấp phép mở cát mới, cùng với khó khăn như giải phóng mặt bằng chậm, thủ tục đầu tư chưa kịp thời, năng lực nhà thầu hạn chế, ... sẽ ảnh hưởng tốc độ giải ngân đầu tư công.

TTCK THẾ GIỚI

Chứng khoán toàn cầu bị bán mạnh sau thông tin xảy ra vụ nổ Iran

Giảm 5 phiên liên tiếp tính đến 18/4, S&P 500 có chuỗi lao dốc dài kể từ tháng 10/2023. Chỉ số CK Hoa Kỳ có mức giảm bình quân 2.5% do lo ngại chính sách tiền tệ FED trước lạm phát và nguy cơ xung đột leo thang với vụ nổ tại Iran. Làn sóng giảm điểm cũng lan rộng trên thị trường Châu Âu và Châu Á. Chỉ số EU600, Nikkei 225 giảm lần lượt 1.9% và 5.8%. TTCK Trung Quốc hiếm hoi tăng điểm khi đón nhận tin tích cực tăng trưởng GDP. DXY tăng nhẹ 0.03% và trái phiếu kỳ tăng 0.07%. Chỉ số hàng hóa tăng lại 0.1% dẫn dắt bởi các kim loại quý. Giá dầu dù vậy giảm 2.3% bất chấp xung đột có nguy cơ gia tăng tại Trung Đông.

GDP quý I Trung Quốc tăng trưởng 5.3%, cao hơn dự báo 4.6% và 5.2% của quý IV 2023. Tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống 5.2%, chấm dứt chuỗi tăng 3 tháng liên tiếp nhưng sản lượng công nghiệp và doanh số bán lẻ tháng 3 đều thấp hơn so kỳ vọng cho thấy khó khăn nhất định để đạt mục tiêu tăng trưởng 5% năm 2024. Về phía Hoa Kỳ và EU, các thông điệp điều hành chính sách tiền tệ cũng dần rõ nét hơn. Chủ tịch ECB nhận định có thể cắt giảm lãi suất nếu không có thêm cú sốc lớn trong khi chủ tịch FED cho rằng FED chưa đủ tin giảm lãi suất và cần nhiều thời gian để đạt được niềm tin này. Sức khỏe của 2 nền kinh tế khác nhau có thể kéo theo sự lệch pha về chính sách tiền tệ sau nhiều kỳ họp giữ nguyên lãi suất.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo số lượng mua/bán cổ phiếu của các quỹ ETF liên quan đến bộ chỉ số VN30 và Vietnam Diamond

Ngày 15/04/2024 HOSE đã công bố danh mục cổ phiếu thành phần thuộc bộ chỉ số Vietnam Diamond Index và VN30 Index. Theo đó:

1. Chỉ số Vietnam Diamond:

- Thêm mới: BMP
- Loại bỏ: MWG

Hiện tại có 3 ETF đang sử dụng chỉ số Vietnam Diamond làm tham chiếu gồm DCVFMVN DIAMOND, MAFM VNDIAMOND và BVFVN DIAMOND với tổng giá trị tài sản ròng đạt 15,729 tỷ đồng tại ngày 15/4/2024. Trong đó quỹ DCVFMVN Diamond hiện có tổng giá trị tài sản khoảng 15,294 tỷ đồng.

2. Chỉ số VN30:

- Không có thay đổi về cổ phiếu thành phần trong kỳ này.

Hiện tại có 4 ETF đang sử dụng chỉ số làm tham chiếu bao gồm DCVFMVN30, SSIAM VN30, MAFM VN30, và KIM Growth VN30 với tổng tài sản ước tính là 8,750 tỷ đồng. Riêng quỹ DCVFMVN30 hiện có tổng giá trị tài sản khoảng 7,588 tỷ đồng tại ngày 15/04/2024.

Ngày 3/05/2024 dự kiến sẽ là ngày hoàn tất việc cơ cấu toàn bộ danh mục các ETF tham chiếu theo cả 02 bộ chỉ số trên. Trên cơ sở dữ liệu tại ngày 16/04/2024, BSC Research dự báo danh mục cổ phiếu thành phần và số lượng cổ phiếu mua/bán đối với các ETF tham chiếu các bộ chỉ số trên, cụ thể như sau:

DCVFMVN Diamond ETF				DCVFMVN30, SSIAM VN30, MAFM VN30, và KIM Growth VN30				Tổng hợp			
STT	Mã	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	SLCP mua/bán	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	SLCP mua/bán	SLCP mua/bán	KLGD trung bình	Số phiên giao dịch dự kiến	Ghi chú
1	REE	4.19%	6.80%	6,303,634				6,303,634	809,650	7.79	
2	GMD	9.15%	14.32%	9,968,101				9,968,101	1,794,924	5.55	
3	HDB	2.51%	5.08%	16,413,972	4.02%	4.03%	44,510	16,458,482	6,212,717	2.65	
4	BMP	0.00%	0.33%	462,068				462,068	235,504	1.96	Được thêm mới vào VNDiamond
5	VRE	1.07%	3.83%	16,435,487	1.62%	1.59%	-115,486	16,320,001	11,285,700	1.45	
6	PNJ	11.52%	12.95%	2,227,130				2,227,130	1,783,041	1.25	
7	KDH	1.73%	2.96%	4,991,812				4,991,812	4,147,295	1.20	
8	NLG	2.22%	3.81%	5,637,146				5,637,146	5,215,003	1.08	
9	OCB	1.13%	1.22%	959,164				959,164	1,840,339	0.52	
10	ACB	6.95%	7.21%	1,418,037	7.42%	7.46%	104,950	1,522,987	9,008,640	0.17	
11	MSN				2.35%	3.72%	1,544,000	1,544,000	10,878,825	0.14	
12	TCB	7.62%	7.88%	847,997	8.06%	8.19%	208,073	1,056,070	7,543,048	0.14	
13	SSB				2.33%	2.39%	199,840	199,840	1,549,723	0.13	
14	VHM				3.66%	4.38%	1,265,523	1,265,523	11,407,754	0.11	
15	SHB				2.55%	2.81%	1,710,443	1,710,443	17,967,722	0.10	
16	MBB	6.88%	7.13%	1,512,950	5.30%	5.46%	504,730	2,017,680	25,626,651	0.08	
17	MSB	2.25%	2.39%	1,455,637				1,455,637	20,089,767	0.07	
18	PLX				0.32%	0.36%	80,945	80,945	1,565,504	0.05	
19	CTG	2.02%	2.07%	230,010	2.14%	2.16%	33,652	263,662	9,710,069	0.03	
20	BCM				0.16%	0.18%	28,064	28,064	1,296,509	0.02	
21	GVR				0.37%	0.38%	28,560	28,560	5,680,581	0.01	
22	GAS				0.68%	0.69%	5,750	5,750	2,401,677	0.00	
23	BID				0.90%	0.90%	1,931	1,931	1,435,031	0.00	
24	SSI				2.89%	2.90%	27,149	27,149	28,034,321	0.00	
25	SAB				0.61%	0.61%	-3,334	-3,334	2,128,776	0.00	
26	POW				0.41%	0.40%	-60,361	-60,361	10,951,566	-0.01	
27	STB				4.10%	4.04%	-152,064	-152,064	17,496,203	-0.01	
28	HPG				7.31%	7.12%	-487,564	-487,564	35,837,317	-0.01	
29	VJC				2.50%	2.48%	-13,136	-13,136	706,078	-0.02	
30	VNM				4.30%	4.20%	-111,515	-111,515	4,857,330	-0.02	
31	BVH				0.24%	0.23%	-19,845	-19,845	793,386	-0.03	
32	VCB				4.48%	4.40%	-68,532	-68,532	2,468,560	-0.03	
33	VIC				4.27%	4.18%	-140,622	-140,622	4,931,578	-0.03	
34	VIB	2.80%	2.71%	-557,529	2.26%	2.02%	-808,664	-1,366,192	8,529,133	-0.16	
35	FPT	15.90%	15.00%	-1,188,248	9.51%	9.59%	50,046	-1,138,201	4,698,441	-0.24	
36	TPB	2.28%	2.03%	-2,016,257	1.82%	1.52%	-1,262,679	-3,278,935	9,501,481	-0.35	
37	VPB	4.39%	2.27%	-16,519,091	7.00%	7.01%	56,311	-16,462,781	15,186,993	-1.08	
38	MWG	14.90%	0.00%	-44,849,309	4.59%	4.59%	-4,251	-44,853,560	8,872,873	-5.06	Bị loại khỏi VNDiamond

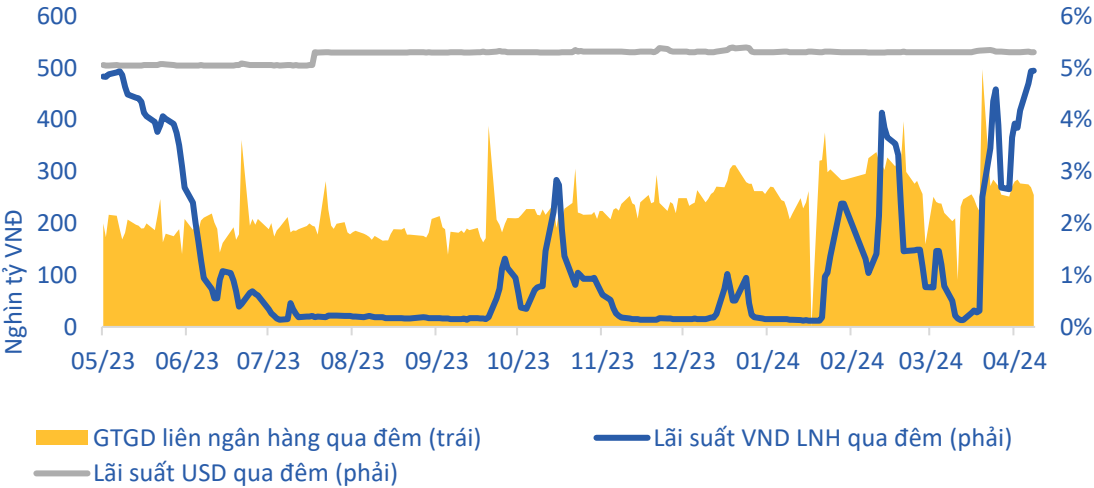


THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 8	2/19/2024	2/23/2024	0.00	6,037.51	6,037.51
Tuần 9	2/26/2024	3/1/2024	6,037.51	0.00	-6,037.51
Tuần 10	3/4/2024	3/8/2024			0.00
Tuần 11	3/11/2024	3/15/2024	74,998.90	0.00	-74,998.90
Tuần 12	3/18/2024	3/22/2024	69,699.90	0.00	-69,699.90
Tuần 13	3/25/2024	3/29/2024	26,500.00	0.00	-26,500.00
Tuần 14	4/1/2024	4/5/2024	1,600.00	8,465.53	6,865.53
Tuần 15	4/8/2024	4/12/2024	33,715.53	84,998.89	51,283.36
Tuần 16	4/15/2024	4/19/2024	23,099.99	102,563.00	79,463.01

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	4.86%	5.10%	4.89%	4.65%	4.63%	4.83%	5.18%
So với tuần trước	1.21%	1.25%	1.03%	0.96%	0.68%	0.04%	-0.12%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	266,675.00	13,998	2,322	4,677	8,601	393	29
So với tuần trước	-2.44%	13.41%	-61.40%	-17.90%	104.48%	517.92%	123.08%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 17/04/2024

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 16, SBV phát hành 13.1 nghìn tỷ giá trị tín phiếu, đồng thời mua 32.86 nghìn tỷ giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã bơm ròng 79.46 nghìn tỷ qua OMOs.
- Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng bình quân tiếp tục tăng cao.

PTKT VN-INDEX: VN-Index hành trình dò đáy sau khi xuyên thủng các ngưỡng hỗ trợ và đường SMA

Đồ thị ngày: VN-Index có 2 phiên chỉ hướng giảm với thanh khoản lớn trong tuần có nhiều thông tin tiêu cực trong nước và quốc tế. Chỉ số liên tiếp giảm dưới SMA100 và SMA200 với thanh khoản tăng mạnh. Phản ứng giá tại các SMA và Fibonacci 32.8% xuất hiện nhưng chưa đủ mạnh để đảo chiều xu hướng giảm. Các chỉ báo kỹ thuật đã bước vào vùng quá bán.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm từ 57 xuống 29 điểm, đi vào vùng quá bán.
- MACD dưới đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản tăng 27% so tuần trước.
- VN-Index giảm dưới SMA 20, SMA 50, SMA100 và SMA 200.

Kết luận: Chỉ số có bước ngoặt đảo chiều trong phiên đầu tuần khi giảm dưới kênh dưới hình hộp và xuyên qua các đường trung bình động trung hạn. Quá trình dò đáy sẽ diễn ra khi các ngưỡng hỗ trợ bị phá vỡ, theo đó những ngưỡng hỗ trợ lưu ý tiếp theo: gồm 1,150 – 1,160 (tương đương fibonacci 50% xu hướng trung hạn từ 11/2023 và vùng tích lũy giá lần 2) sau đó là 1,090 – 1,130 điểm (tương đương fibonacci 50% xu hướng trung hạn từ 11/2023 và vùng tích lũy giá lần 1). Các chỉ báo kỹ thuật đã bước vùng quá bán kích thích hoạt động bắt đáy ngắn hạn, cung cấp thêm manh mối để xác nhận vùng đáy ngắn hạn trong các tuần tới.

Đồ thị



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: Trên website NHNN đã công bố phương án can thiệp ngoại tệ.

VIỆT NAM:

- Sáng 16/4, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã tiếp ông Tim Cook, Giám đốc điều hành Apple của Hoa Kỳ - công ty công nghệ lớn nhất thế giới và là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất vào Việt Nam nếu tính từ 2019 trở lại đây (trên 16 tỷ USD).
- Phó Thủ tướng: giao Bộ Công Thương quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm và trình tự, thủ tục cấp "tín chỉ xanh" đối với các nhà máy sử dụng nguồn năng lượng sạch
- Thủ tướng Chính phủ: giao Bộ Tài chính tổng kết, đánh giá và trình Chính phủ đề xuất gia hạn một số loại thuế, phí cho doanh nghiệp và người dân (trong đó có thuế VAT) trước ngày 30/4 để Chính phủ báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 vào tháng 5 tới.
- Bộ KH&ĐT: tính đến cuối tháng 3, vẫn còn khoảng 32.000 tỷ đồng vốn đầu tư công chưa được phân bổ chi tiết, thậm chí 15 bộ, cơ quan trung ương có tỷ lệ giải ngân là 0%.
- NHNN: Kể từ hôm nay ngày 19/4, website của Ngân hàng Nhà nước sẽ công bố công khai phương án việc bán ngoại tệ cho các tổ chức tín dụng có trạng thái ngoại tệ âm sang trạng thái ngoại tệ bằng 0 với mức giá 25.450 đồng
- NHNN chi nhánh TP.HCM: quý I/2024, kiều hối chuyển về TP.HCM đạt 2,869 tỷ USD, tăng 3.5% so với quý trước và tăng 35.4% so với cùng kỳ, đây cũng là mức tăng trưởng cao nhất trong 3 năm gần đây.
- Bộ Công Thương: vừa hoàn thiện Dự thảo 1 Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện với khách hàng sử dụng điện lớn (cơ chế DPPA).
- Bộ Công Thương: đề xuất trong dự thảo Nghị định quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu đang được đưa ra lấy ý kiến.
- Mùa báo cáo tài chính quý 1/2024 đang đến gần và cập nhật mới nhất của FiinTrade cho thấy tính đến ngày 16/4/2024, đã có 45 doanh nghiệp niêm yết đại diện 8.8% vốn hóa trên sàn công bố kết quả kinh doanh. Tổng lợi nhuận sau thuế của 45 doanh nghiệp này tăng 20.8% so với cùng kỳ.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: khai báo thất nghiệp lần đầu ổn định tại: 212K so với 215K dự kiến. Trước đó: 211K (điều chỉnh thành 212K).
- Eurozone: Số dư tài khoản vãng lai tháng 2 giảm xuống: 9.5 tỷ EUR (trước đó: 39.4 tỷ EUR). Thặng dư hàng hóa: 34 tỷ EUR. Thặng dư dịch vụ: 7 tỷ EUR. Thâm hụt đối với thu nhập sơ cấp: 2 tỷ EUR. Thâm hụt đối với thu nhập thứ cấp: 9 tỷ EUR.
- Hoa Kỳ: Sản xuất công nghiệp tháng 3 tăng với tốc độ mạnh nhất kể từ tháng 8 năm ngoái: +0.4% so với tháng trước (dự báo: 0.4%, trước đó: điều chỉnh tăng từ 0.1% lên 0.4%).
- Bộ trưởng Tài chính Yellen: Lạm phát đã giảm đáng kể từ đỉnh nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm. Thị trường lao động Hoa Kỳ rất mạnh mẽ.
- Thụy Sĩ: Thặng dư thương mại tháng 3 thấp hơn dự kiến: 3.54 tỷ CHF. Trước đó: 3.66 tỷ CHF. Cán cân thương mại của Thụy Sĩ giữ tương đối ổn định trong tháng 3, do xuất khẩu giảm 1.8% trong khi nhập khẩu giảm 1.5% trong tháng.
- Trung Quốc: PBOC cảnh báo việc theo đuổi mở rộng tín dụng 'một chiều'. Dữ liệu của Trung Quốc cho thấy hoạt động cho vay mới của ngân hàng chậm hơn dự kiến vào tháng trước. Đáng chú ý, tăng trưởng tín dụng trên diện rộng đã đạt mức thấp kỷ lục trong tháng 3. Và điều đó củng cố khả năng PBOC tăng cường các biện pháp kích thích để cố gắng thúc đẩy nền kinh tế.
- IMF: Nợ chính phủ Mỹ và Trung Quốc tăng cao gây rủi ro cho tài chính công toàn cầu. Dự đoán rằng nợ chính phủ Mỹ so với sản lượng kinh tế sẽ tăng 70% vào năm 2053, trong khi nợ của Trung Quốc sẽ tăng hơn gấp đôi trong cùng năm đó.

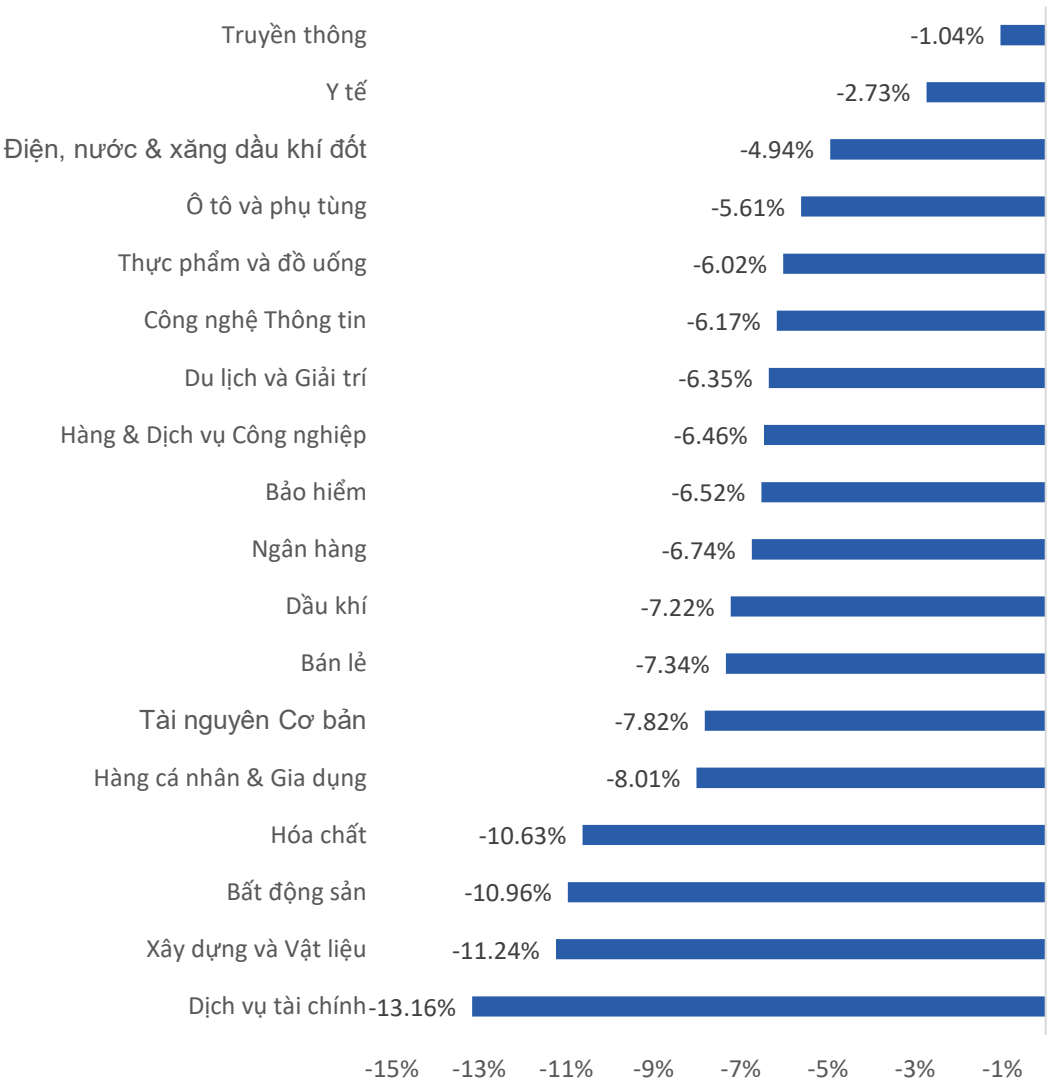
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Mùa ĐHCĐ và KQKD quý I của các Doanh nghiệp niêm yết.
- 22/4, Lãi suất 1 và 5 năm Trung Quốc; chỉ số niềm tin tiêu dùng EU. 23/4, PMI sản xuất và dịch vụ Anh, EU và Hoa Kỳ. 24/4, CPI Úc; Doanh thu bán lẻ Canada; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 25/4, Đơn xin trợ cấp thất nghiệp, GDP quý I công bố lần đầu và cán cân thương mại Hoa Kỳ. 26/4, CPI, lãi suất biên bản chính sách tiền tệ Nhật; PCE và chỉ số niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Truyền thông	-1.69%	-1.04%	-10.43%
Y tế	-1.52%	-2.73%	-2.45%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.80%	-4.94%	-5.37%
Ô tô và phụ tùng	-1.32%	-5.61%	-2.96%
Thực phẩm và đồ uống	-0.95%	-6.02%	-7.79%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	83.14	0.50%	-2.94%	2.30%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	87.29	0.21%	-3.49%	2.24%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.71	-0.13%	-3.30%	-0.33%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	2391.84	0.47%	2.08%	9.42%		PNJ
Bạc	Ounce	28.68	1.58%	2.95%	11.56%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1150.50	1.52%	-1.92%	-4.88%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	15.57	0.00%	1.04%	-5.23%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	161.80	0.50%	-0.49%	-5.88%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	19.79	1.07%	-3.13%	-9.10%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, QNS
Ure	USD/T	311.25	-0.08%	0.40%	-17.00%		DPM, DCM
Niken	LB	19469.00	4.90%	9.39%	12.60%		PC1
Đồng	LB	4.50	1.38%	5.61%	11.23%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	1900.00	0.00%	0.00%	-6.40%		CSV
Thép	CNY/ton	3594.00	-0.14%	4.48%	0.42%		HPG
Nhôm	Ton	2665.00	1.93%	6.86%	17.25%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	108.25	0.28%	2.07%	-1.85%	HPG	
Than đá	Ton	141.75	0.53%	5.98%	9.97%	HT1, HPG	HLC, NBC, TNT, THT



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
LPB	2.81	0.35
QCG	23.96	0.23
PGI	5.22	0.03
TNC	13.35	0.03
TCM	1.61	0.02
CLC	5.91	0.01
TTE	21.30	0.01
OPC	3.33	0.01
SRC	4.81	0.01
VFG	1.46	0.01
Tổng		0.72

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
BID	-9.46	-7.10
CTG	-11.98	-5.69
VCB	-4.33	-5.65
VIC	-12.07	-5.51
GVR	-12.19	-3.84
VHM	-6.74	-3.22
VPB	-8.12	-3.13
HPG	-7.18	-3.08
GAS	-5.90	-2.66
TCB	-6.12	-2.52
Tổng		-42.40

Khối ngoại mua ròng

Mã	Mua ròng
GEX	105.37
MWG	93.57
GMD	92.83
DIG	89.70
VND	83.85
VIX	82.87
DGC	74.30
SGN	68.42
EVF	67.91
FTS	60.04
Tổng	818.87

Khối ngoại bán ròng

Mã	Mua ròng
VHM	-677.98
FUEVFNVD	-384.82
CTG	-236.54
VIC	-215.80
VRE	-186.79
SHB	-158.18
HDB	-137.95
MSN	-125.45
VCB	-109.34
MSB	-100.98
Tổng	-2333.84

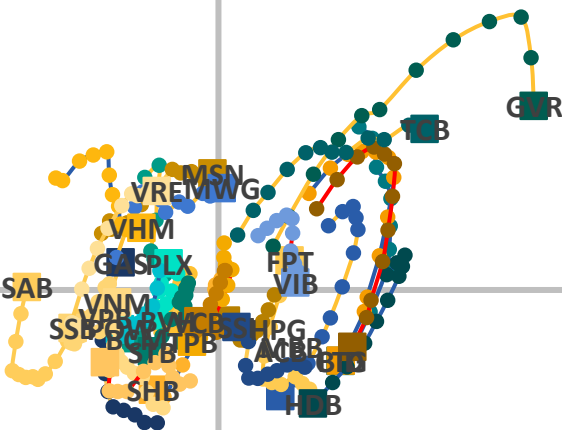
Vận động cổ phiếu VN30

FPT	104.6251	100.7813
GVR	120.4486	104.8997
MWG	100.2404	102.708
TCB	113.3842	104.2898
VIB	105.0091	100.1875
GAS	93.67581	100.7282
MSN	99.62693	103.0989
PLX	96.79549	100.7013
SAB	87.60429	100.0695
VHM	95.03144	101.654
VIC	96.77073	104.2175
VRE	96.01768	102.6339
ACB	104.0178	97.16403
BID	107.9225	98.10083
CTG	107.9532	98.1062
HDB	106.1413	96.96629
HPG	100.4963	99.17679
MBB	108.683	98.47423
SSI	101.1869	99.00756
BCM	94.69243	98.70551
BVH	96.72496	99.17724
POW	93.64608	98.94931
SHB	95.7743	97.33147
SSB	90.57138	98.9803
STB	95.71485	98.35942
TPB	98.30452	98.61111
VCB	98.70982	99.15544
VJC	92.87627	96.50223
VNM	93.45158	99.66211
VPB	92.66657	98.0653

Hồi
phục

Tích
cực

JdK RS-Momentum



Tiêu
cực

Suy
yếu

JdK RS-Ratio

Nguồn: Bloomberg

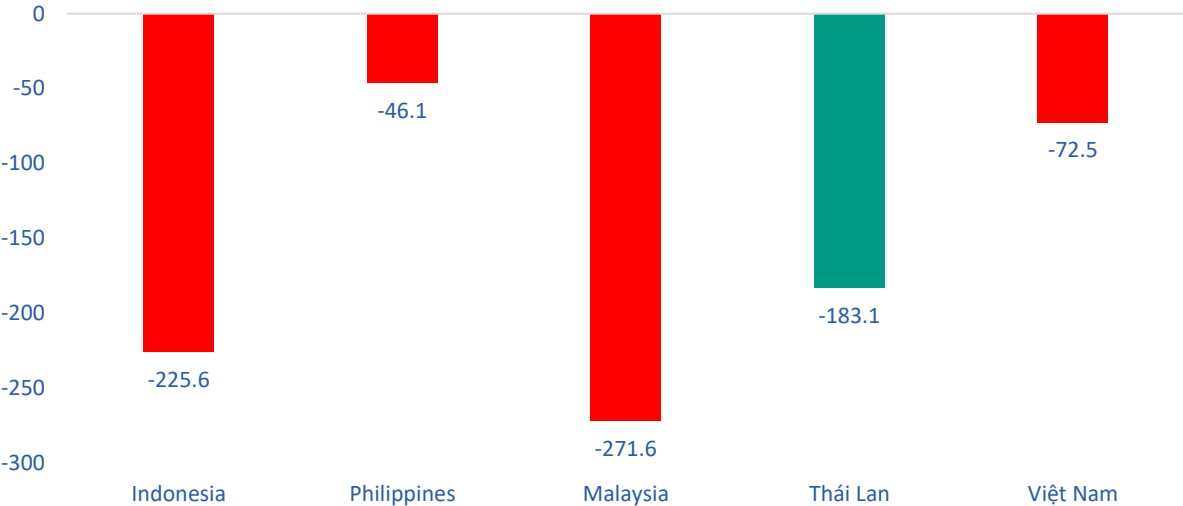
Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- **Tích cực** → nên trong danh sách mua
- **Suy yếu** → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- **Tiêu cực** → nên trong danh sách tránh
- **Hồi phục** → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	(798.9)	(1,304.3)	(1,304.3)	(1,977.0)
Indonesia	-225.6	-698.2	-698.2	987.6
Philippines	-46.1	-85.6	-85.6	77
Malaysia	-271.6	-420.8	-420.8	-607.4
Thái Lan	-183.1	84.5	84.5	-1848.9
Việt Nam	-72.5	-184.2	-184.2	-585.3
Các nước khác	(3,976.2)	(2,043.6)	(2,043.6)	16,207.5
Hàn Quốc	-64.1	2083.1	2083.1	14271.9
Đài Loan	-3133.1	-3718.6	-3718.6	1010.9
Ấn Độ	-778.5	-410.7	-410.7	947.6
Sri Lanka	(0.50)	2.60	2.60	(22.90)

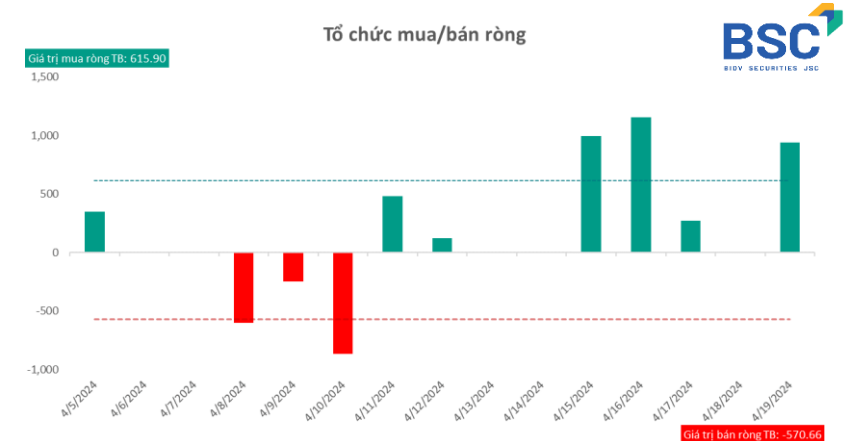
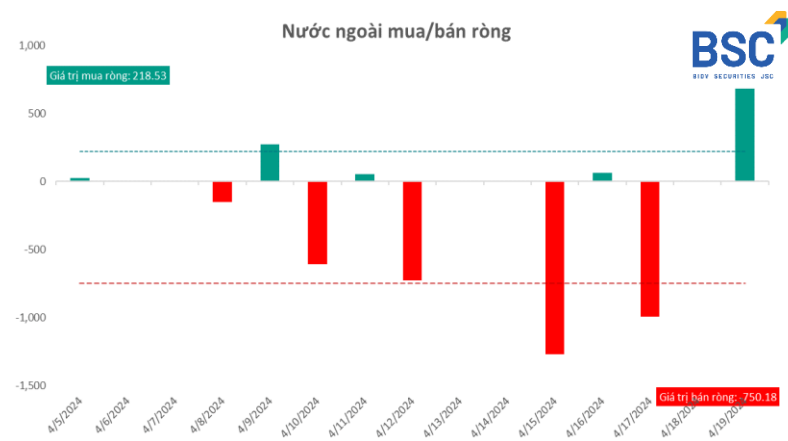
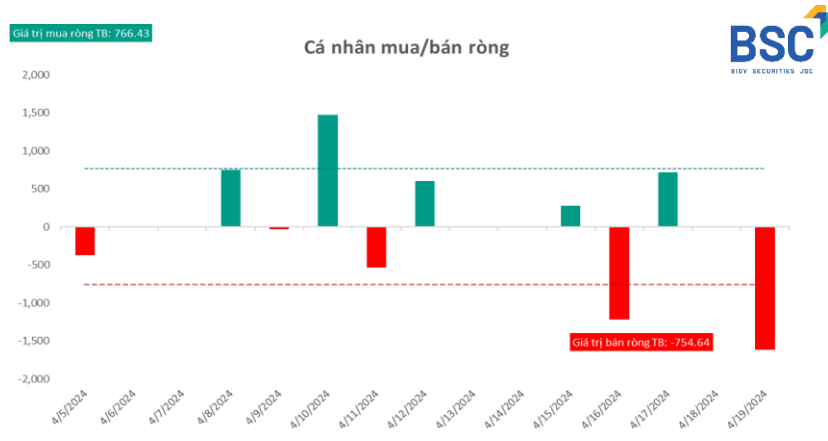


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Oct-23				Nov-23				Dec-23				Jan-24				Feb-24				Mar-24				Apr-24		
	W41	W42	W43	W44	W45	W46	W47	W48	W49	W50	W51	W52	W1	W2	W3	W4	W5	W6	W7	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15
Tổng	2.59	4.50	(1.34)	43.07	4.80	(29.05)	(4.75)	(4.17)	(100.90)	(37.16)	(23.77)	(0.70)	(23.33)	(19.81)	(35.45)	(24.06)	(24.53)	(2.84)	(4.04)	(26.66)	(16.63)	(36.71)	(94.29)	(45.24)	(30.80)	(12.94)	(21.24)
ETF ngoại	18.27	14.35	10.26	40.42	0.18	(6.49)	(4.46)	3.79	(69.82)	(22.18)	(7.54)	4.18	(12.91)	1.59	(17.99)	(21.21)	(19.02)	(2.84)	-	(18.98)	1.09	1.76	(19.49)	(32.48)	(23.89)	7.97	(20.46)
Fubon	3.14	14.42	11.53	40.42	(1.76)	(14.90)	0.93	0.74	0.75	4.42	8.43	5.28	0.00	0.77	0.00	0.00	0.75	1.13	0.00	1.15	6.06	3.63	(16.75)	(29.66)	(21.99)	21.54	(2.61)
VNM	0.00	(6.47)	(1.27)	0.00	0.00	0.00	(5.39)	0.00	0.00	(5.42)	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.93)	0.00	0.00	0.00	0.00	1.29	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
FTSE	2.15	2.56	0.00	0.00	1.94	0.51	0.00	3.05	0.76	0.00	(2.92)	(1.10)	2.99	0.82	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(8.15)	(4.97)	(1.87)	(2.74)	(2.82)	(1.90)	(3.56)	(8.22)
iShare	12.98	3.84	0.00	0.00	0.00	7.90	0.00	0.00	(71.33)	(21.18)	(13.05)	0.00	(15.90)	0.00	(16.06)	(21.21)	(19.77)	(3.97)	0.00	(13.27)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(10.01)	(9.63)
ETF nội	(15.68)	(9.85)	(11.60)	2.65	4.62	(22.56)	(0.29)	(7.96)	(31.08)	(14.98)	(16.23)	(4.88)	(10.42)	(21.40)	(17.46)	(2.85)	(5.51)	0.00	(4.04)	(7.68)	(17.72)	(38.47)	(74.80)	(12.76)	(6.91)	(20.91)	(0.78)
Diamond	(11.88)	(6.76)	(2.36)	(3.55)	(0.31)	(0.44)	4.83	0.00	(15.27)	(12.82)	(14.77)	(4.88)	(0.63)	(22.59)	(16.99)	(1.99)	(5.10)	0.00	(2.32)	(1.72)	(8.70)	(32.81)	(66.55)	(5.76)	0.57	1.33	0.82
E1	(0.74)	(1.83)	(7.80)	8.05	6.75	(0.55)	0.24	0.15	0.16	(0.31)	0.00	0.00	4.23	0.08	0.00	(1.66)	(0.41)	0.00	(1.72)	(6.80)	(8.51)	(5.66)	(3.13)	(5.37)	(6.53)	(1.65)	(0.25)
Finlead	(3.06)	(1.26)	(1.44)	(1.85)	(1.82)	(21.57)	(5.36)	(8.11)	(15.97)	(1.85)	(1.46)	0.00	(14.02)	1.11	(0.47)	0.80	0.00	0.00	0.00	0.84	(0.51)	0.00	(5.12)	(1.63)	(0.95)	(20.59)	(1.35)

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
VPB	26,579,754	518.28	VIX	9,566,200	-168.22	GEX	5,267,780	105.37	VHM	15,946,121	-677.98	VHM	15,600,923	664.05	VPB	39,671,289	-773.00
FUEVFNVD	16,560,800	486.99	FUEKIV30	16,764,200	-134.77	MWVG	1,808,420	93.57	FUEVFNVD	13,083,463	-884.82	VRE	11,461,936	258.09	HPG	11,734,873	-329.62
MBB	9,373,974	218.21	STB	3,716,600	-102.33	GMD	1,155,300	92.83	CTG	6,561,807	-236.54	STB	7,879,919	221.54	MWVG	5,023,620	-260.06
HPG	5,175,572	146.63	E1VFN30	932,800	-20.69	DIG	3,380,232	89.70	VIC	4,774,772	-215.80	HDB	8,244,048	185.19	MBB	9,827,182	-227.47
FPT	1,298,556	144.96	VRE	640,000	-14.30	VND	4,474,362	83.85	VRE	8,307,736	-186.79	VIC	4,029,272	180.81	SSI	6,511,953	-217.99
MWVG	2,605,000	129.03	BAF	520,000	-13.68	VIX	5,194,664	82.87	SHB	14,269,031	-158.18	CTG	3,931,007	149.60	FPT	1,557,022	-174.46
ACB	3,577,399	96.64	FUEVN100	811,800	-13.30	DGC	689,013	74.30	HDB	6,013,918	-137.95	EIB	6,689,586	123.94	TCB	3,741,200	-166.89
SSI	2,245,461	78.11	POW	1,186,700	-12.92	SGN	943,700	68.42	MSN	1,842,002	-125.45	SHB	11,112,309	122.44	ACB	5,746,105	-154.46
CTG	2,062,100	68.21	TCH	476,200	-8.23	EVF	5,087,262	67.91	VCB	1,169,326	-109.34	LPB	6,140,257	120.56	GMD	1,836,100	-146.63
HDB	2,433,299	57.59	DXG	443,100	-7.71	FTS	1,149,420	60.04	MSB	7,321,000	-100.98	TPB	5,985,085	106.72	DGC	1,284,613	-141.32

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	90.5	0.00%	0.70	19,914.00	4.70	5,910.00	15.30	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	48.4	0.50%	1.00	10,851.00	4.10	3,772.00	12.80	54,578	17.30%	Link
VPB	Ngân hàng	18.1	-0.30%	1.00	5,654.00	10.90	1,257.00	14.40	23,685	28.00%	Link
TCB	Ngân hàng	44.5	-0.80%	1.20	6,171.00	25.30	5,111.00	8.70	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	22.7	-1.70%	1.10	4,725.00	25.20	3,966.00	5.70	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	26.8	0.00%	1.00	1,989.00	24.30	4,094.00	6.50	31,200	22.50%	Link
CTG	Ngân hàng	31.6	-3.40%	1.10	6,681.00	16.20	3,706.00	8.50	19,100	27.10%	Link
ACB	Ngân hàng	26.6	-0.60%	0.90	4,068.00	11.40	4,131.00	6.40	42,500	30.00%	Link
SSI	Chứng khoán	33.2	-3.50%	1.20	1,973.00	38.60	1,529.00	21.70	45,900	43.20%	Link
IDC	BĐS KCN	51.8	-5.00%	1.00	673.00	6.70	4,223.00	12.30	-	17.60%	Link
HPG	VLXD	27.8	-0.70%	1.30	6,364.00	28.60	1,176.00	23.70	23,300	24.50%	Link
HSG	VLXD	19.6	-2.20%	1.60	474.00	10.10	1,321.00	14.80	79,900	22.10%	Link
VHM	BĐS	42	-0.70%	1.20	7,114.00	20.50	7,664.00	5.40	38,900	22.40%	Link
KDH	BĐS	33	-2.90%	1.40	1,038.00	5.50	895.00	36.90	44,100	38.00%	Link
NLG	BĐS	36	-5.30%	1.20	545.00	6.70	1,257.00	28.60	46,100	42.90%	Link
DGC	Hóa chất	108	-2.80%	1.60	1,615.00	13.30	8,163.00	13.20	85,000	18.90%	Link
DCM	Phân bón	30.5	-2.40%	1.40	636.00	3.60	2,095.00	14.60	41,000	10.90%	Link
GAS	Dầu khí	75	-0.10%	0.60	6,782.00	2.60	5,053.00	14.80	36,000	2.60%	Link
PVS	Dầu khí	38.4	-0.50%	0.70	723.00	15.50	2,148.00	17.90	110,500	20.80%	Link
PVD	Dầu khí	29.3	-0.20%	1.20	641.00	8.30	1,052.00	27.80	45,000	23.30%	Link
POW	Tiện ích	10.6	-3.20%	0.80	977.00	3.60	443.00	23.90	38,500	4.00%	Link
VHC	Thủy sản	69.5	-0.70%	1.20	614.00	1.50	4,914.00	14.10	29,000	32.20%	Link
GMD	Logistics	80	-0.60%	1.10	978.00	5.20	7,357.00	10.90	14,500	48.20%	Link
VNM	Bán lẻ	64.2	0.00%	0.70	5,282.00	11.40	4,246.00	15.10	81,700	53.90%	Link
MSN	Bán lẻ	66.5	-0.40%	1.50	3,746.00	12.50	293.00	227.30	27,700	28.20%	Link
MWG	Bán lẻ	48.2	-2.40%	1.60	2,775.00	18.00	115.00	420.40	63,800	44.50%	Link
PNJ	Bán lẻ	91.5	-1.10%	0.70	1,205.00	6.10	6,010.00	15.20	83,500	49.00%	Link
DGW	Bán lẻ	53.5	-3.80%	1.70	352.00	6.80	2,121.00	25.20	90,900	23.40%	Link
FPT	Công nghệ	109	-2.50%	0.80	5,450.00	23.00	5,091.00	21.40	57,000	49.00%	Link
CTR	Công nghệ	112.2	-5.50%	1.00	505.00	3.30	4,510.00	24.90	108,000	10.10%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
HDB	Ngân hàng	22.2	-3.30%	0.80	2,551.00	8.30	3,482.00	6.40	1.40	19.60%	25.40%
VIB	Ngân hàng	21.1	-1.90%	1.30	2,107.00	7.40	3,376.00	6.30	1.40	20.50%	24.30%
TPB	Ngân hàng	16.6	-2.40%	1.20	1,439.00	5.50	2,027.00	8.20	1.10	29.80%	13.70%
MSB	Ngân hàng	13.4	1.90%	1.30	1,059.00	4.90	2,322.00	5.80	0.90	30.00%	16.00%
EIB	Ngân hàng	16.5	-2.10%	1.00	1,131.00	5.90	1,244.00	13.30	1.30	1.80%	10.10%
HCM	Chứng khoán	24.8	-4.80%	1.30	689.00	11.70	1,475.00	16.80	1.40	41.00%	8.30%
VCI	Chứng khoán	45	-0.20%	1.70	775.00	18.40	1,124.00	40.00	2.70	21.70%	7.10%
VND	Chứng khoán	18.9	-2.30%	1.50	906.00	16.50	1,660.00	11.40	1.40	22.60%	13.10%
BID	Ngân hàng	48.4	0.50%	1.00	10,851.00	4.10	3,772.00	12.80	2.30	17.30%	20.30%
SHS	Chứng khoán	17.4	-6.50%	1.70	557.00	30.70	688.00	25.30	1.40	13.20%	5.70%
LCG	Xây dựng	11.3	0.40%	1.50	84.00	2.60	546.00	20.70	0.80	2.10%	4.60%
HUT	Xây dựng	16.8	-1.80%	1.60	590.00	2.90	53.00	317.70	1.30	1.60%	0.70%
CTD	Xây dựng	61	-4.70%	0.80	240.00	3.60	1,894.00	32.20	0.70	44.30%	2.30%
HHV	Xây dựng	12.5	-4.90%	1.30	203.00	4.80	782.00	16.00	0.60	6.70%	4.20%
C4G	Xây dựng	9.5	-3.10%	1.40	-	0.50	365.00	26.00	0.90	0.00%	4.90%
DIG	BĐS KCN	27.4	-4.90%	1.70	658.00	42.00	195.00	140.70	2.10	5.20%	2.10%
CEO	BĐS KCN	17.7	-6.80%	0.90	359.00	10.20	293.00	60.40	1.50	5.60%	2.40%
KBC	BĐS KCN	28	-5.10%	1.50	846.00	9.90	2,646.00	10.60	1.10	20.80%	11.70%
VGC	BĐS KCN	49.2	-3.90%	1.30	868.00	1.70	2,717.00	18.10	2.30	5.40%	12.50%
SZC	BĐS KCN	39.2	0.10%	1.40	278.00	2.80	1,515.00	25.90	2.40	3.20%	13.40%
SIP	BĐS KCN	76.5	-1.40%	1.40	548.00	0.80	5,098.00	15.00	3.50	0.30%	26.90%
PHR	BĐS KCN	55.1	1.50%	1.10	294.00	1.20	4,574.00	12.00	2.00	15.80%	18.30%
GVR	BĐS KCN	28.1	-1.90%	1.50	4,425.00	6.50	656.00	42.80	2.00	0.30%	6.20%
NKG	Vật liệu	22	-4.60%	1.60	228.00	10.50	446.00	49.20	1.10	16.00%	2.30%
BMP	Hóa chất	105.3	-7.00%	0.50	339.00	3.40	12,717.00	8.30	3.20	85.90%	39.10%
IJC	Bất động sản	13.6	0.00%	1.70	202.00	1.60	1,477.00	9.20	0.90	5.90%	10.30%
DXG	Bất động sản	15.6	-6.60%	1.70	443.00	12.20	239.00	65.40	0.80	20.00%	1.10%
VRE	Bất động sản	21.3	-3.20%	1.20	1,906.00	7.20	1,940.00	11.00	1.30	31.00%	12.40%
PDR	Bất động sản	26.2	-6.40%	1.80	762.00	16.70	926.00	28.30	2.00	7.40%	7.20%
CSV	Hóa chất	53.5	-6.10%	1.50	93.00	1.90	4,732.00	11.30	1.60	3.70%	16.10%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DHC	Hóa chất	38	-1.60%	1.00	120.00	0.60	3,843.00	9.90	1.70	35.80%	17.20%
PLX	Dầu khí	34.6	-1.80%	0.90	1,733.00	0.70	2,230.00	15.50	1.50	17.10%	10.70%
PLC	Dầu khí	26.8	-6.00%	1.40	85.00	0.40	1,261.00	21.20	1.60	1.20%	8.40%
BSR	Dầu khí	18	-3.20%	1.20	-	6.70	2,790.00	6.50	1.00	0.80%	15.60%
DRC	Săm lốp	29	-1.20%	0.70	136.00	1.50	2,286.00	12.70	1.80	13.60%	13.20%
PC1	Tiện ích	24.8	-4.20%	1.30	304.00	4.10	450.00	55.20	1.10	8.50%	4.10%
HDG	Tiện ích	25.2	-3.10%	1.30	303.00	2.40	2,175.00	11.60	1.10	22.80%	12.90%
GEX	Tiện ích	19.7	-1.50%	1.90	660.00	16.20	388.00	50.80	0.80	12.60%	4.10%
QTP	Tiện ích	15.2	-1.30%	0.70	-	0.40	1,360.00	11.20	1.30	1.20%	10.80%
REE	Tiện ích	58	-3.30%	0.90	933.00	3.60	5,354.00	10.80	1.10	49.00%	13.90%
ANV	Thủy sản	28.8	-2.50%	1.30	151.00	1.70	294.00	97.80	1.30	3.00%	1.50%
PTB	Thủy sản	62	1.30%	0.80	163.00	0.80	3,851.00	16.10	1.50	20.90%	10.60%
PVT	Logistics	24	-2.00%	0.80	339.00	2.80	3,005.00	8.10	0.90	12.30%	14.30%
VSC	Logistics	19.4	-3.00%	1.30	204.00	2.60	927.00	20.90	0.80	2.50%	6.20%
HAH	Logistics	38	-0.80%	1.40	158.00	3.30	3,648.00	10.40	1.30	3.90%	12.10%
VTP	Logistics	69.3	1.60%	1.20	332.00	5.00	3,119.00	22.20	5.30	9.40%	25.60%
DBC	Bán lẻ	26	-6.00%	1.40	248.00	10.40	103.00	251.60	1.30	4.50%	0.50%
FRT	Bán lẻ	141	0.00%	0.70	756.00	2.70	(2,537.00)	-55.60	11.20	36.20%	11.80%
QNS	Bán lẻ	45.5	-1.10%	0.70	-	1.40	6,117.00	7.40	1.90	15.50%	27.30%
DPM	Phân bón	31.2	-4.00%	1.20	481.00	3.60	1,327.00	23.50	1.10	10.00%	4.20%
TNG	Dệt may	19.7	-1.50%	0.90	88.00	1.50	1,917.00	10.30	1.20	18.60%	12.50%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký